

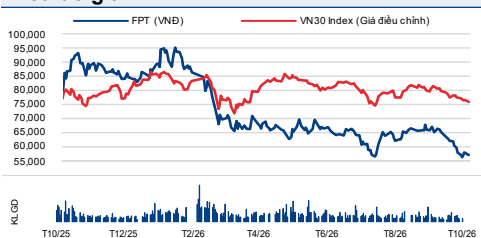
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ85,636
Tiềm năng tăng/giảm: 49.2%

Giá cổ phiếu (đồng) (20/10/2026)	57,400
Mã Bloomberg	FPT VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	56,300-95,144
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	57,567
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	107,559
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	4,157
Sig CP lưu hành (tr.đv)	1,874
Sig CP NN được sở hữu (tr.đv)	835
Sig CP NN được mua (tr.đv)	181
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	38.4%
Tỷ lệ freefloat	78.8%
Cổ đông lớn	Trương Gia Bình (7.07%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
DT thuần (tỷ đồng)	70,113	57,188	66,082
EBITDA đc (tỷ đồng)	13,903	9,683	11,529
LNTT (tỷ đồng)	13,044	11,845	13,518
LNT ĐC (tỷ đồng)	9,360	10,581	11,981
FCF (tỷ đồng)	5,038	(4,076)	8,612
EPS ĐC (đồng)	4,731	5,202	5,891
DPS (đồng)	1,818	1,818	2,273
BVPS (đồng)	19,469	23,384	27,002
T.trưởng EBITDA (%)	6.59	(30.4)	19.1
T.trưởng EPS ĐC (%)	5.86	9.96	13.2
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	25.0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	19.8	16.9	17.4
Tỷ suất LNTT (%)	18.6	20.7	20.5
Tỷ suất LNT ĐC (%)	13.4	18.5	18.2
Tỷ lệ LN trả CT (%)	38.4	34.9	38.6
Nợ thuần/VCSH (%)	30.9	13.7	8.84
ROAE (%)	28.3	26.4	25.4
ROACE (%)	26.2	17.6	19.2
EV/doanh thu (lần)	1.68	1.97	1.68
EV/EBITDA ĐC (lần)	8.50	11.7	9.65
P/E ĐC (lần)	12.1	11.0	9.74
P/B (lần)	2.95	2.45	2.13
Lợi suất cổ tức (%)	3.17	3.17	3.96

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

FPT đang chuyển mình từ một đơn vị gia công phần mềm trở thành công ty công nghệ thực thụ trên phạm vi toàn cầu.

Chuyên viên phân tích

Trần Thị Thu Nga, CFA

Trưởng phòng, Ngành Công Nghiệp & nga.ttthu@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4807

Chê Thị Mai Trang

Giám đốc, Ngành C.Nghiệp & Công Nghệ trang.ctmai@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4848

Q3/2026: Lợi nhuận thuần sát dự báo nhưng mảng dịch vụ CNTT nước ngoài kém tích cực

- FPT đã công bố KQKD sơ bộ tháng 9 và Q3/2026, với lợi nhuận thuần đạt lần lượt 1.017 tỷ đồng và 2.723 tỷ đồng (tăng 9,6% và 11,8% so với cùng kỳ), nhìn chung sát dự báo. Tuy nhiên, doanh thu mảng dịch vụ CNTT nước ngoài thấp hơn đáng kể so với kỳ vọng, giảm 4,1% so với cùng kỳ trong tháng 9 và chỉ tăng 8,2% trong Q3/2026 do thị trường Nhật Bản giảm tốc mạnh.
- Doanh thu từ các hợp đồng ký mới giảm tháng thứ hai liên tiếp, giảm 15,9% so với cùng kỳ trong tháng 9 xuống 2.852 tỷ đồng. Tuy nhiên, nhờ tăng trưởng mạnh trong 7 tháng đầu năm, doanh thu ký mới lũy kế 9 tháng vẫn tăng 23,1% đạt 36,1 nghìn tỷ đồng.
- Theo đó, lợi nhuận thuần và doanh thu thuần 9 tháng đầu năm tăng lần lượt 13,3% và 12,4% so với cùng kỳ, tương đương 73,4% và 70,0% dự báo năm 2026 của HSC. Chúng tôi đang xem xét lại các dự báo của mình.

Sự kiện: Công bố KQKD sơ bộ Q3/2026

KQKD sơ bộ Q3/2026 nhìn chung sát dự báo, với lợi nhuận thuần đạt 2.723 tỷ đồng (tăng 11,8% so với cùng kỳ và 6% so với quý trước) trên doanh thu thuần 13,8 nghìn tỷ đồng (tăng 12,1% so với cùng kỳ và đi ngang so với quý trước). Tuy nhiên, doanh thu mảng dịch vụ CNTT nước ngoài thấp hơn đáng kể so với kỳ vọng, chỉ tăng 8,2% so với cùng kỳ và giảm 2,3% so với quý trước. Tác động này được bù đắp nhờ doanh thu mảng dịch vụ CNTT trong nước cao hơn dự báo, tăng 43,1% so với cùng kỳ và 12,8% so với quý trước. Riêng trong tháng 9/2026, lợi nhuận thuần tăng 9,6% so với cùng kỳ đạt 1.017 tỷ đồng nhờ tỷ suất lợi nhuận cải thiện. Trong khi đó, doanh thu thuần chỉ tăng 5,1% do doanh thu mảng dịch vụ CNTT nước ngoài giảm 4,1%.

Doanh thu từ các hợp đồng ký mới lũy kế 9 tháng đầu năm tăng 23,1% so với cùng kỳ đạt 36,1 nghìn tỷ đồng. Tuy nhiên, đà tăng đã chậm lại rõ rệt khi doanh thu ký mới giảm 15,9% so với cùng kỳ trong cả tháng 8 và tháng 9. Theo đó, doanh thu ký mới Q3/2026 chỉ tăng 3,6% đạt 9,8 nghìn tỷ đồng, thấp hơn đáng kể so với mức tăng 32,3% trong nửa đầu năm.

Doanh thu: Mảng dịch vụ CNTT nước ngoài thấp hơn kỳ vọng

Tăng trưởng doanh thu Q3/2026 chậm lại còn 12,1% so với cùng kỳ, từ mức 16,4% trong Q2/2026. Doanh thu khối công nghệ tăng 14,4% (cũng giảm tốc so với mức tăng 18,7% trong quý trước).

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 21/10.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q3 và 9 tháng đầu năm 2026, FPT

Lợi nhuận thuần Q3 tăng 11,8% so với cùng kỳ lên 2,7 nghìn tỷ đồng, nhờ doanh thu thuần tăng 12,1% so với cùng kỳ

Tỷ đồng	T9-26	svck	Q3/26	svck	svqt	9T26	svck	% hoàn thành
Doanh thu	4,615	5.1%	13,754	12.1%	-0.3%	40,023	12.4%	70.0%
Công nghệ	4,077	6.6%	12,377	14.4%	0.7%	35,515	14.8%	
Toàn cầu	3,009	-4.1%	9,636	8.2%	-2.3%	28,538	11.6%	
Trong nước	1,068	55.0%	2,741	43.1%	12.8%	6,977	29.8%	
GD & đầu tư	538	-5.1%	1,377	-5.2%	-7.8%	4,508	-3.1%	
LNTT	1,122	13.7%	3,056	15.0%	5.0%	8,770	17.0%	74.0%
Công nghệ	593	12.7%	1,738	15.9%	-0.6%	5,052	16.6%	
Toàn cầu	516	3.4%	1,504	8.0%	-2.2%	4,510	10.7%	
Trong nước	77	185.2%	234	120.8%	11.4%	542	108.5%	
GD & đầu tư	529	14.8%	1,318	13.7%	13.4%	3,718	17.5%	
Lợi nhuận thuần	1,017	9.6%	2,723	11.8%	6.0%	7,778	13.3%	73.4%

Nguồn: FPT, HSC

Doanh thu mảng dịch vụ CNTT nước ngoài thấp hơn kỳ vọng nhưng được bù đắp nhờ doanh thu mảng dịch vụ CNTT trong nước cao hơn dự báo. Trong khi đó, doanh thu từ khối giáo dục & khác giảm 5,2% so với cùng kỳ.

- Trong khối công nghệ, doanh thu mảng dịch vụ CNTT nước ngoài giảm 4,1% so với cùng kỳ trong tháng 9/2026, sau khi đã giảm tốc còn tăng 9,4% trong tháng 8, từ mức tăng 20,5% trong tháng 7. Nguyên nhân chủ yếu là thị trường Nhật Bản suy yếu. Đà giảm tốc tại Nhật Bản bắt đầu xuất hiện trong tháng 8, khi doanh thu chỉ tăng 3,9% so với cùng kỳ, thấp hơn nhiều so với mức tăng 30,9% trong tháng 7. Tình hình tiếp tục xấu đi trong tháng 9, với doanh thu giảm 9,3% xuống 1.233 tỷ đồng. Trong khi đó, doanh thu từ các thị trường ngoài Nhật Bản đi ngang so với cùng kỳ ở mức 1.776 tỷ đồng trong tháng 9, sau khi tăng 13,7% trong tháng 8.
- Trong Q3/2026, doanh thu dịch vụ CNTT nước ngoài đạt 9,6 nghìn tỷ đồng, tăng 8,2% so với cùng kỳ nhưng giảm 2,3% so với quý trước, chậm lại đáng kể so với mức tăng 16,3% trong Q2/2026. Trong đó, doanh thu từ thị trường Nhật Bản đạt 4,3 nghìn tỷ đồng, chiếm 44,3% doanh thu CNTT nước ngoài trong Q3/2026, tăng 8,3% so với cùng kỳ nhưng giảm 10,1% so với quý trước, thấp hơn đáng kể so với mức tăng 24,8% trong Q2/2026. EU tiếp tục là thị trường tăng trưởng nhanh nhất, với doanh thu tăng 28% so với cùng kỳ và 4,7% so với quý trước đạt 1,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 12,9% doanh thu mảng dịch vụ CNTT nước ngoài trong Q3/2026. Doanh thu từ Mỹ tăng 8% so với cùng kỳ và 2,1% so với quý trước đạt 2,2 nghìn tỷ đồng, tương đương 23,1% doanh thu mảng dịch vụ CNTT nước ngoài. Doanh thu tại khu vực châu Á-Thái Bình Dương phục hồi 8,5% so với quý trước nhưng vẫn giảm 1,6% so với cùng kỳ xuống 1,9 nghìn tỷ đồng, chiếm 19,7% doanh thu mảng dịch vụ CNTT nước ngoài trong Q3/2026.
- Lũy kế 9 tháng đầu năm, doanh thu mảng dịch vụ CNTT nước ngoài tăng 11,6% so với cùng kỳ đạt 28,5 nghìn tỷ đồng. Trong đó, doanh thu tại Nhật Bản, EU và Mỹ lần lượt tăng 17,2%, 35,4% và 6,5%, trong khi khu vực châu Á-Thái Bình Dương giảm 4,6%.
- Ngược lại, doanh thu mảng dịch vụ CNTT trong nước cao hơn kỳ vọng, tăng 43,1% so với cùng kỳ và 12,8% so với quý trước đạt 2,7 nghìn tỷ đồng trong Q3/2026. Lũy kế 9 tháng đầu năm, doanh thu mảng dịch vụ CNTT trong nước tăng 29,8% đạt 7 nghìn tỷ đồng.

Tỷ suất LNTT cải thiện nhưng tỷ suất lợi nhuận thuần đi ngang so với cùng kỳ

LNTT Q3/2026 đạt 3.056 tỷ đồng, tăng 15% so với cùng kỳ và 5% so với quý trước. Kết quả này có được chủ yếu là nhờ LNTT khối công nghệ tăng 15,9% đạt 1.738 tỷ đồng và LNTT khối giáo dục & đầu tư tăng 13,7% đạt 1.318 tỷ đồng. Tỷ suất LNTT Q3/2026 tăng 0,6 điểm phần trăm so với cùng kỳ lên 22,2%, từ mức 21,7% trong Q3/2025.

- Trong khối công nghệ, tỷ suất LNTT của mảng dịch vụ CNTT nước ngoài đi ngang so với cùng kỳ ở mức 15,6%. Riêng trong tháng 9/2026, tỷ suất LNTT của mảng này cải thiện lên 17,1%, từ mức 15,9% trong tháng 9/2025.
- Tỷ suất LNTT của mảng dịch vụ CNTT trong nước tăng 3 điểm phần trăm so với cùng kỳ lên 8,5%, từ mức 5,5% trong Q3/2025.

Tuy nhiên, lợi nhuận thuần Q3/2026 chỉ tăng 11,8% so với cùng kỳ và 6% so với quý trước đạt 2.723 tỷ đồng, chậm hơn mức tăng 15% của LNTT. Nguyên nhân là thuế suất thuế TNDN thực tế tăng sau khi ưu đãi thuế dành cho các cơ sở của FPT Software tại TP.HCM hết hiệu lực vào tháng 6/2026. Theo đó, tỷ suất lợi nhuận thuần Q3/2026 đi ngang so với cùng kỳ ở mức 19,8%.

Xem xét lại dự báo

HSC đang xem xét lại các dự báo sau khi doanh thu mảng dịch vụ CNTT nước ngoài thấp hơn kỳ vọng và doanh thu từ các hợp đồng ký mới suy yếu trong hai tháng gần đây. Sau khi giá cổ phiếu giảm 12% trong một tháng qua, FPT

đang giao dịch ở mức P/E trượt dự phóng 1 năm là 10 lần theo các dự báo hiện tại của HSC, thấp hơn đáng kể so với bình quân 3 năm ở mức 18 lần.

Bảng 2: Tỷ suất lợi nhuận của các mảng kinh doanh, FPT

Tỷ suất LNTT Q3/26 mở rộng 0,6 điểm phần trăm so với cùng kỳ, trong khi tỷ suất lợi nhuận thuần đi ngang

	T9-25	T9-26	svck (điểm %)	svtt (điểm %)	Q3/25	Q3/26	svck (điểm %)	svqt (điểm %)	9T25	9T26	svck (điểm %)
Tỷ suất LNTT	22.5%	24.3%	1.8	2.9	21.7%	22.2%	0.6	1.1	21.1%	21.9%	0.9
Công nghệ	13.7%	14.5%	0.8	0.7	13.9%	14.0%	0.2	(0.2)	14.0%	14.2%	0.2
- Toàn cầu	15.9%	17.1%	1.2	2.2	15.6%	15.6%	0.0	0.0	15.9%	15.8%	(0.1)
- Trong nước	3.9%	7.2%	3.3	(3.2)	5.5%	8.5%	3.0	(0.1)	4.8%	7.8%	2.9
Giáo dục & đầu tư	81.3%	98.3%	17.0	12.4	79.8%	95.7%	15.9	17.9	68.0%	82.5%	14.5
Tỷ suất lợi nhuận thuần	21.1%	22.0%	0.9	3.1	19.8%	19.8%	0.0	1.2	19.3%	19.4%	0.1

Nguồn: FPT

Bảng 3: Cơ cấu doanh thu dịch vụ CNTT toàn cầu, FPT

Thị trường Nhật Bản giảm tốc mạnh trong Q3/26, trong khi thị trường EU tiếp tục là động lực tăng trưởng chính

	3Q25	2Q26	3Q26	So với cùng kỳ	So với quý trước	9M25	9M26	So với cùng kỳ
Dịch vụ CNTT toàn cầu	8,903	9,867	9,636	8.2%	-2.3%	25,572	28,538	11.6%
Nhật Bản	3,943	4,751	4,270	8.3%	-10.1%	11,264	13,197	17.2%
Hoa Kỳ	2,062	2,181	2,226	8.0%	2.1%	6,087	6,485	6.5%
EU	970	1,186	1,242	28.0%	4.7%	2,528	3,422	35.4%
Khu vực châu Á - Thái Bình Dương	1,928	1,749	1,898	-1.6%	8.5%	5,694	5,434	-4.6%
Tỷ trọng								
Nhật Bản	44.3%	48.2%	44.3%			44.0%	46.2%	
Hoa Kỳ	23.2%	22.1%	23.1%			23.8%	22.7%	
EU	10.9%	12.0%	12.9%			9.9%	12.0%	
Khu vực châu Á - Thái Bình Dương	21.7%	17.7%	19.7%			22.3%	19.0%	

Nguồn: FPT

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu	62,849	70,113	57,188	66,082	75,685
Lợi nhuận gộp	23,698	25,889	18,431	21,353	24,392
Chi phí BH&QL	(13,190)	(14,900)	(10,109)	(11,480)	(13,037)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	10,508	10,989	8,322	9,873	11,355
Lãi vay thuần	124	1,305	808	695	803
Lãi/nỗ trong Cty LD,LK	393	658	2,629	2,850	3,158
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	44.6	92.0	86.7	100	115
LN TT	11,070	13,044	11,845	13,518	15,431
Chi phí thuế TNDN	(1,642)	(1,811)	(1,288)	(1,560)	(1,862)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(1,571)	(1,856)	40.0	40.0	40.0
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	7,857	9,376	10,596	11,999	13,609
Lợi nhuận thuần ĐC	7,849	9,360	10,581	11,981	13,589
EBITDA ĐC	13,044	13,903	9,683	11,529	13,367
EPS (đồng)	4,470	4,731	5,202	5,891	6,682
EPS ĐC (đồng)	3,905	4,731	5,202	5,891	6,682
DPS (đồng)	1,818	1,818	1,818	2,273	2,273
Sig CP bình quân (triệu đv)	1,618	1,874	1,874	1,874	1,874
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	1,618	1,874	1,874	1,874	1,874
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,618	1,874	1,874	1,874	1,874

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tiền & tương đương tiền	9,315	10,522	9,474	13,159	16,820
Đầu tư ngắn hạn	21,785	29,631	20,703	24,844	29,812
Phải thu khách hàng	11,382	14,402	14,005	16,183	18,534
Hàng tồn kho	1,857	2,194	1,716	1,982	2,271
Các tài sản ngắn hạn khác	1,197	1,389	1,144	1,322	1,514
Tổng tài sản ngắn hạn	45,536	58,137	47,041	57,489	68,951
TSCĐ hữu hình	15,334	16,964	11,515	12,039	12,489
TSCĐ vô hình	2,040	1,928	1,432	1,360	1,237
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	1,037	1,157	948	713	450
Đầu tư vào Cty LD,LK	2,281	3,581	9,176	9,635	10,117
Tài sản dài hạn khác	5,772	6,374	3,290	3,236	3,379
Tổng tài sản dài hạn	26,464	30,005	26,361	26,982	27,671
Tổng cộng tài sản	72,000	88,142	73,402	84,471	96,623
Nợ ngắn hạn	14,446	19,170	13,153	15,199	16,651
Phải trả người bán	4,424	3,837	1,906	2,203	2,523
Nợ ngắn hạn khác	13,105	15,584	8,539	9,868	11,302
Tổng nợ ngắn hạn	34,836	41,525	25,505	29,472	32,998
Nợ dài hạn	501	1,904	1,700	1,700	1,700
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	357	258	284	312	343
Nợ dài hạn khác	315	302	278	321	368
Tổng nợ dài hạn	1,173	2,463	2,261	2,333	2,411
Tổng nợ phải trả	36,272	44,394	28,213	32,296	35,949
Vốn chủ sở hữu	29,794	36,483	43,818	50,598	58,860
Lợi ích cổ đông thiểu số	5,933	7,265	1,372	1,577	1,814
Tổng vốn chủ sở hữu	35,728	43,748	45,189	52,175	60,674
Tổng nợ phải trả và VCSH	72,000	88,142	73,402	84,471	96,623
BVPS (đ)	18,412	19,469	23,384	27,002	31,411
Nợ thuần/(tiền mặt)	5,632	10,551	5,379	3,740	1,531

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
EBIT	10,508	10,989	8,322	9,873	11,355
Khấu hao	(2,535)	(2,914)	(1,361)	(1,656)	(2,012)
Lãi vay thuần	124	1,305	808	695	803
Thuế TNDN đã nộp	(1,642)	(1,811)	(1,288)	(1,560)	(1,862)
Thay đổi vốn lưu động	303	(1,249)	(2,734)	(1,774)	(1,916)
Khác	(125)	(2,011)	(25,169)	1,829	1,676
LCT thuần từ HKKD	11,704	10,136	(18,702)	10,718	12,069
Đầu tư TS dài hạn	(3,275)	(5,098)	14,626	(2,106)	(2,338)
Góp vốn & đầu tư	(43,063)	(57,723)	3,333	(4,599)	(5,450)
Thanh lý	36,346	49,196	0	0	0
Khác	1,530	2,001	1,811	1,885	2,189
LCT thuần từ HĐĐT	(8,462)	(11,625)	19,770	(4,821)	(5,600)
Cổ tức trả cho CSH	(3,292)	(4,574)	(3,407)	(4,259)	(4,259)
Thu từ phát hành CP	163	1,196	0	0	0
Tăng/giảm nợ	933	6,180	1,290	2,046	1,452
Khác	(2,31)	(0.99)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(2,198)	2,801	(2,117)	(2,213)	(2,807)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	8,279	9,315	10,522	9,474	13,159
LCT thuần trong kỳ	1,044	1,313	(1,048)	3,685	3,662
Ảnh hưởng của tỷ giá	(7.92)	(106)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	9,315	10,522	9,474	13,159	16,820
Dòng tiền tự do	8,428	5,038	(4,076)	8,612	9,730

Các chỉ số tài chính	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	37.7	36.9	32.2	32.3	32.2
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	20.8	19.8	16.9	17.4	17.7
Tỷ suất LNT (%)	12.5	13.4	18.5	18.2	18.0
Thuế TNDN hiện hành (%)	14.8	13.9	10.9	11.5	12.1
Tăng trưởng doanh thu (%)	19.4	11.6	(18.4)	15.6	14.5
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	21.5	6.59	(30.4)	19.1	15.9
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	21.7	19.2	13.0	13.2	13.4
Tăng trưởng EPS (%)	5.47	5.86	9.96	13.2	13.4
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	21.9	21.2	9.96	13.2	13.4
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	0	25.0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	40.7	38.4	34.9	38.6	34.0
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	28.7	28.3	26.4	25.4	24.9
ROACE (%)	31.0	26.2	17.6	19.2	19.1
Vòng quay tài sản (lần)	0.95	0.88	0.71	0.84	0.84
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	1.11	0.92	(2.25)	1.09	1.06
Số ngày tồn kho	17.3	18.1	16.2	16.2	16.2
Số ngày phải thu	106	119	132	132	132
Số ngày phải trả	41.2	31.7	18.0	18.0	18.0
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	20.8	30.9	13.7	8.84	4.03
Nợ/tài sản (%)	21.5	24.7	21.1	20.9	19.9
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	1.19	1.57	1.60	1.53	1.44
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.31	1.40	1.84	1.95	2.09
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.57	1.68	1.97	1.68	1.44
EV/EBITDA ĐC (lần)	7.55	8.50	11.7	9.65	8.16
P/E (lần)	12.8	12.1	11.0	9.74	8.59
P/E ĐC (lần)	14.7	12.1	11.0	9.74	8.59
P/B (lần)	3.12	2.95	2.45	2.13	1.83
Lợi suất cổ tức (%)	3.17	3.17	3.17	3.96	3.96

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2026.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn